

THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH THÁI VÀ MƯỜNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH THANH HÓA

LÊ THỊ MÙI

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ gắn liền với một tộc người và có nhiều chức năng khác nhau. Một trong những chức năng quan trọng nhất của nó là để phân biệt tộc người (Ngô Văn Lệ, 2010, tr. 150). Ở nước ta, từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, ngôn ngữ tộc người phát triển và biến đổi theo chiều hướng khác nhau. Mặc dù Đảng và Nhà nước luôn có những chính sách khuyến khích phát triển và bảo tồn ngôn ngữ dân tộc nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, một số ngôn ngữ của các tộc người có dân số ít ngày càng bị mai một, bị thay thế bằng tiếng khu vực và phổ thông. Hiện tượng sử dụng song ngữ, đa ngữ ở từng khu vực, làng bản và gia đình ngày càng trở nên phổ biến (Ngô Đức Thịnh, 2006, tr. 511). Trong những năm gần đây, dưới tác động của quá trình hiện đại hoá và hội nhập, việc giao lưu, tiếp xúc ngôn ngữ và sử dụng những ngôn ngữ có ưu thế trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ngày càng trở nên phổ biến. Việc sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình, ngay cả ở những dân tộc thiểu số chiếm số đông, cũng đang có xu hướng giảm đi (Vương Xuân Tinh, 2010). Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này sẽ đi sâu tìm hiểu thực trạng sử dụng ngôn ngữ dân tộc của học sinh tộc người Thái và Mường ở trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa hiện nay trong tương quan với ngôn

ngữ phổ thông. Qua xem xét việc sử dụng ngôn ngữ trong môi trường gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội của các em trước và sau khi theo học ở trường nội trú, chúng tôi mong muốn hiểu được mức độ biến đổi ngôn ngữ, như một thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, ở học sinh hai dân tộc thiểu số này trong bối cảnh bị tác động trực tiếp bởi môi trường đô thị hóa và hiện đại hóa.

2. Vài nét về địa bàn nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

Thanh Hóa là tỉnh địa đầu của khu vực Bắc Trung Bộ, cách Thủ đô Hà Nội 150km về phía Nam, có địa hình trung du, miền núi chiếm tới 2/3 diện tích của toàn tỉnh. Vùng miền núi Thanh Hóa với 11 huyện, 220 xã là địa bàn cư trú của hơn 600.000 đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Cũng giống như vùng núi Tây Bắc, trong số 6 DTTS ở đây, người Thái và người Mường chiếm đa số. Người Thái Thanh Hóa sinh sống chủ yếu ở khu vực miền núi phía Tây và vài nơi thuộc các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn và Tĩnh Gia, với số dân là 232.195 người (năm 2011). Còn người Mường ở Thanh Hóa có khoảng 35 vạn người. Địa bàn cư trú của họ thuộc 11 huyện miền núi và một số xã giáp ranh ở 5 huyện miền xuôi của tỉnh (Ban dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2011).

Ngoài một số yếu tố khu biệt như nhà sàn người Thái Thanh Hóa không làm *khaus cút* ở đầu nóc như người Thái Tây Bắc, trang phục thiếu nữ Mường xứ Thanh là váy, áo khóm và khăn chàm đậm, khác với trang phục váy, áo ngắn xẻ ngực và khăn trắng của thiếu nữ người Mường Hòa Bình, về cơ bản văn hóa của hai tộc người này cũng giống những người đồng tộc của họ ở các vùng khác. Mặc dù chưa có những nghiên cứu chuyên khảo về biến đổi văn hóa của tộc người Thái, Mường Thanh Hóa nhưng một số nghiên cứu riêng lẻ về hai tộc người này ở các vùng khác trong nước ta đã chỉ ra rằng những truyền thống văn hóa của các tộc người này cho đến nay đã trải qua nhiều sự cải biến, biến đổi (Hoàng Lương, 2002; Lê Hồng Lý, 2009; Nguyễn Thị Song Hà, 2011). Có thể nói, nhiều thành tố văn hóa của các tộc người này đang đứng trước thách thức bị mai một, pha tạp giữa truyền thống và hiện đại (Hoàng Lương, 2002; Lê Hồng Lý, 2009).

Những thách thức này càng trở nên lớn hơn đối với nhóm học sinh THPT nội trú của các tộc người này khi các em sống và học tập trong ngôi trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa. Nằm tại trung tâm thành phố Thanh Hóa, trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa có 3 khối lớp học (khối 10, 11, 12), mỗi khối có 6 lớp với tổng số 540 học sinh đại diện cho 6 DTTS của 11 huyện miền núi trong tỉnh. Trong số đó, học sinh dân tộc Mường chiếm số lượng đông nhất với 272 em. Đứng thứ hai là học sinh dân tộc Thái 252 em. Học sinh các DTTS khác chiếm một số lượng không đáng kể: Hmông - 12 em, Thổ - 12 em, Dao - 1 em và Khơ-mú - 1 em. Ngoài ra, có một số học sinh dân tộc Kinh, là con em cán bộ trong

trường, hoặc có bố, mẹ là người DTTS hiện đang sinh sống tại thành phố, cũng theo học bán trú tại đây.

Kết quả điều tra 171/534 em học sinh tộc người Thái và Mường của cả 3 khối cho thấy khoảng 65% học sinh ở đây đều có bố mẹ làm nông nghiệp, khoảng 22% có bố mẹ là cán bộ, giáo viên. Số còn lại là công nhân và buôn bán. 70% học sinh Thái đến từ khu vực nông thôn của các huyện vùng 3¹, có 1,3% các em đến từ nông thôn của các huyện thuộc vùng 1² và 24,0% nông thôn của vùng 2³. Trong khi đó, 63% học sinh Mường đến từ nông thôn của vùng 1 và 22% đến từ nông thôn của vùng 2, còn nông thôn vùng 3 chỉ có 6,5%. Số học sinh đến từ khu vực thị trấn vùng người Thái là 6% và người Mường là 8,5%.

Ngoại trừ các học sinh người thành phố xin học bán trú, đa phần các học sinh của trường sống trong ký túc xá. Khu ký túc của trường bao gồm 4 dãy nhà tầng, có sức chứa 600 học sinh. Mỗi phòng có khoảng 10 học sinh. Học sinh cùng một lớp được phân ở chung với nhau, không phân theo tộc người. Có thể nói, ở đây các em được học tập và sinh hoạt trong một môi trường đa tộc người, đa văn hóa. Một mặt, các em được sống chung với nhau và chia sẻ văn hóa với các tộc người thiểu số khác. Mặt khác, các em được giao lưu, tiếp xúc trực tiếp với môi trường sống hiện đại của chính ngôi trường và bối cảnh cuộc sống đô thị xung quanh. Chính vì vậy, sẽ rất hữu ích và lý thú khi xem xét sự

¹ Vùng 3 là vùng có các huyện thuộc vùng sâu, xa xôi, giáp biên (Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Thường Xuân).

² Vùng 1 là vùng có các huyện gần trung tâm (Thạch Thành, Triệu Sơn, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy).

³ Vùng 2 là vùng giữa có các huyện Bá Thước, Lang Chánh, Như Thanh, Như Xuân.

biến đổi văn hóa của các em trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa của trung tâm thành phố Thanh Hóa.

3. Khả năng sử dụng tiếng phổ thông

Qua khảo sát việc sử dụng ngôn ngữ trước khi vào trường nội trú của 171/534 học sinh, trong đó 79/252 học sinh dân tộc Thái và 92/272 học sinh dân tộc Mường ở cả 3 khối học, cho thấy số lượng học sinh người Thái sử dụng tiếng phổ thông thành thạo là 91,1%, gần 9% còn lại sử dụng tiếng phổ thông ở mức bình thường. Còn đối với học sinh dân tộc Mường, 90,2% các em sử dụng

thành thạo tiếng phổ thông, gần 10% các em còn lại là sử dụng tiếng phổ thông ở mức bình thường. Điều này cho thấy trước khi vào học ở trường dân tộc nội trú, các em học sinh của cả hai dân tộc được khảo sát đều sử dụng ngôn ngữ tiếng phổ thông ở mức độ tương đương nhau. Đặc biệt, kết quả điều tra cho thấy không có học sinh nào trong diện khảo sát sử dụng kém tiếng phổ thông. Riêng đối với học sinh nữ của hai dân tộc, con số này có sự khác biệt rõ rệt so với học sinh nam: tỷ lệ học sinh nữ sử dụng thành thạo tiếng phổ thông là 92,9%, còn ở học sinh nam là 84,1% (xem Bảng 1).

Bảng 1. Mức độ sử dụng tiếng phổ thông của học sinh Thái và Mường

Đơn vị: %

Mức độ sử dụng	Chỉ báo	Rất thành thạo		Bình thường	
		Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay
Thái	Số lượng	72	78	7	1
	%	91,1	98,7	8,9	1,3
Mường	Số lượng	83	88	9	4
	%	90,2	95,7	9,8	4,3
Nam	Số lượng	37	43	7	1
	%	84,1	97,7	15,9	2,3
Nữ	Số lượng	118	123	9	4
	%	92,9	96,9	7,1	3,1
Khối 10	Số lượng	47	57	10	0
	%	82,4	100	17,6	100
Khối 11	Số lượng	50	59	9	0
	%	84,7	100	15,3	100
Khối 12	Số lượng	43	50	12	5
	%	78,1	90,9	21,9	9,1
Tổng		100%	100%	100%	100%

Nguồn: Điều tra thực địa tại trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2012.

Nhìn vào Bảng 1 có thể thấy tỷ lệ học sinh người Thái sử dụng thành thạo ngôn ngữ phổ thông hiện nay là 98,7%, một tỷ lệ chênh lệch cao so với khi chưa vào học nội trú - 91,1%. Đối với học sinh dân tộc Mường thì sự thay đổi này chậm hơn: trước khi vào trường 90,2% các em nói tiếng phổ thông thành thạo nhưng sau khi vào trường số lượng này chỉ tăng lên mức 95,7% (chỉ tăng khoảng 5%, thấp hơn so với tỷ lệ tăng của học sinh người Thái là gần 9%).

Tỷ lệ học sinh sử dụng thành thạo tiếng phổ thông phân theo khối lớp cũng có sự khác biệt. Tỷ lệ học sinh sử dụng thành thạo tiếng phổ thông trước khi vào trường ở khối 10 (82,4%) và khối 11 (84,7%) cao hơn so với khối 12 (78,1%). Sau khi vào trường, trong khi 100% học sinh khối 10 và 11 đã sử dụng thành thạo tiếng phổ thông thì tỷ lệ độ ở khối 12 mới là 90,9%, vẫn còn 9,1% học sinh khối 12 sử dụng tiếng phổ thông ở mức bình thường. Điều này cho thấy ở độ tuổi càng trẻ, tỷ lệ học sinh DTTS sử dụng thành thạo hay tiếp thu tiếng phổ thông nhanh càng cao.

4. Khả năng sử dụng tiếng dân tộc mình

Đối với việc sử dụng tiếng dân tộc mình, trong số 79 học sinh dân tộc Thái được khảo sát có 65,8% (52/79 học sinh) sử dụng thành thạo tiếng dân tộc mình khi chưa vào học tại trường nội trú, có 19% sử dụng kém và không biết sử dụng tiếng của dân tộc mình. Trong khi đó, ở học sinh dân tộc Mường mức độ sử dụng thành thạo tiếng dân tộc mình chiếm 47,8% (44/92 học sinh), 31,7% sử dụng kém và không biết sử dụng tiếng của dân tộc mình. Điều này cho thấy, ngay từ đầu, mặt bằng tiếng phổ thông trước

khí vào trường nội trú của các em học sinh dân tộc Thái và Mường là tương đương nhau. Tuy nhiên, có sự khác biệt rõ rệt giữa mức độ sử dụng tiếng dân tộc mình của học sinh hai dân tộc này.

Kết quả điều tra bảng hỏi và phỏng vấn cho thấy đa phần số học sinh sử dụng kém hoặc không biết tiếng của dân tộc mình là những trường hợp con em cán bộ, công nhân viên chức hoặc buôn bán, sinh sống tại các thị trấn, thị tứ của các huyện và thành phố Thanh Hóa. Gia đình các em đã thoát ly khỏi cộng đồng làng bản quê hương từ 2 đến 3 đời nay. Với sự khác biệt về tỷ lệ học sinh không sử dụng thành thạo tiếng dân tộc mình giữa hai tộc người Thái (19%) và Mường (31,7%) và với nguyên nhân trên, chúng ta có thể thấy tỷ lệ thoát ly khỏi cộng đồng làng bản truyền thống và mức độ hòa nhập của tộc người Mường ở Thanh Hóa trong các môi trường đô thị cao hơn so với người Thái.

Cũng có sự khác biệt về mức độ sử dụng thành thạo tiếng dân tộc mình giữa học sinh nam và học sinh nữ. Trước khi vào học tại trường nội trú, chỉ có 45,5% học sinh nam của cả hai dân tộc Thái và Mường sử dụng thành thạo tiếng dân tộc mình, trong khi tỷ lệ đó ở học sinh nữ là 59,8%. Còn mức độ sử dụng kém và không biết sử dụng tiếng dân tộc mình ở cả nam và nữ ở hai tộc người này cũng khác biệt, tuy không lớn - 27,3% đối với nam, 22,8% đối với nữ.

Mức độ sử dụng tiếng dân tộc mình khi chưa vào học ở trường nội trú đối với học sinh của cả dân tộc Thái và Mường ở các khối học được thể hiện như sau: Khối lớp 10 mức độ sử dụng thành thạo tiếng của dân tộc

mình là 36,8% (21/57 học sinh), Khối 11 là 62,7% (37/59 học sinh), Khối 12 là 69,1% (38/55 học sinh); mức độ sử dụng kém và không sử dụng được tiếng dân tộc mình ở Khối 10 - 38,6%, Khối 11 - 25,4% và Khối 12 - 7,3% (Bảng 2). Kết quả này tỷ lệ thuận

với mức độ sử dụng thông thạo tiếng phổ thông ở các khối ở phần trên. Có nghĩa rằng càng ở độ tuổi ít hơn, các em có xu hướng sử dụng tiếng phổ thông tốt hơn nhưng đi kèm với đó là việc không chú trọng sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình.

Bảng 2. Mức độ sử dụng tiếng dân tộc mình của học sinh Thái và Mường

Đơn vị: %

Mức độ sử dụng	Chỉ báo	Thành thạo/bình thường		Kém/không sử dụng được	
		Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay
Thái	Số lượng	64	68	15	11
	%	81,0	86,0	19,0	14,0
Mường	Số lượng	66	72	26	20
	%	71,7	78,0	28,3	22,0
Nam	Số lượng	32	35	12	9
	%	72,8	79,5	27,2	20,5
Nữ	Số lượng	98	105	29	22
	%	77,0	82,7	23,0	27,3
Khối 10	Số lượng	35	41	22	16
	%	61,4	71,9	38,6	28,1
Khối 11	Số lượng	44	47	15	12
	%	74,6	79,6	25,4	20,4
Khối 12	Số lượng	51	52	4	3
	%	92,7	94,5	7,3	5,5
Tổng		100%	100%	100%	100%

Nguồn: Điều tra thực địa tại trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2012.

5. Khả năng sử dụng các ngôn ngữ khác

Ngoài tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông, kết quả khảo sát cho thấy, học sinh ở hai dân tộc này hiện nay còn biết ngôn ngữ của dân tộc khác. Cụ thể, có 24% học sinh dân tộc Thái biết tiếng Mường và 14,2% học sinh dân tộc Mường biết tiếng Thái. Con số này rơi vào học sinh Khối 11 và Khối 12 nhiều hơn so với học sinh ở Khối 10. Đặc biệt, có một số em còn biết tiếng Hmông, Dao, Khơ-mú, Thổ. Đây là một minh chứng cho thấy trong một môi trường học đa dân tộc, ngôn ngữ sử dụng của các em ngày một đa dạng hơn. Điều này sẽ được trình bày cụ thể ở phần sau khi phân tích ngôn ngữ sử dụng trong trường học.

Thực tế hiện nay ở các trường THPT nói chung và trường THPT Dân tộc nội trú nói riêng, ngoại ngữ là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo dục phổ thông. Ở trường THPT Dân tộc nội trú Thanh Hóa tiếng Anh là môn ngoại ngữ chính. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy có 78,5% học sinh dân tộc Thái khi chưa vào học tại nội trú không sử dụng được và sử dụng kém ngoại ngữ; tương tự ở học sinh dân tộc Mường có tới 81,5%. Tính cả 3 Khối học được khảo sát thì có tới 80,1% học sinh sử dụng kém và không sử dụng được ngoại ngữ.

Cho đến nay, số học sinh dân tộc Thái sử dụng tiếng Anh ở mức hiểu được cấu trúc ngữ pháp đơn giản và giao tiếp bước đầu là gần 50% và học sinh dân tộc Mường là 43,5%. Đối với cả 3 Khối học thì học sinh Khối 10 sử dụng tiếng Anh ở mức trên là 38,6%, Khối 11 - dưới 45% và Khối 12 - trên 50%. Con số này cao hơn so với trước khi vào học nội trú: ở Khối 10 chỉ có 8,8%,

Khối 11 là 16,9% và Khối 12 - dưới 35%. Sự thay đổi lớn trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ trong môn học bắt buộc của học sinh dân tộc Thái và Mường cho thấy trong một xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập toàn cầu, mỗi cá nhân đều phải bắt nhịp theo xu hướng chung của xã hội để đáp ứng được yêu cầu thực tế của đất nước nói chung, của nền giáo dục Việt Nam nói riêng.

6. Mức độ ưa thích sử dụng ngôn ngữ

Điều tra của chúng tôi còn nêu câu hỏi về việc thích sử dụng ngôn ngữ nào trước đây và hiện nay của học sinh hai dân tộc này. Kết quả cho thấy, khi chưa vào trường nội trú có 62,0% học sinh người Thái và 63,0% học sinh dân tộc Mường thích sử dụng tiếng dân tộc mình. Trong khi đó, chỉ có 36,7% học sinh dân tộc Thái và 35,9% học sinh dân tộc Mường thích sử dụng tiếng phổ thông. Chỉ duy nhất 1 trường hợp của cả hai dân tộc này thích sử dụng cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, con số này đã tăng lên so với hiện nay, mức độ thích sử dụng tiếng dân tộc mình ở học sinh người Thái là 68,4% và 70,6% ở học sinh người Mường (Bảng 3).

Bảng 3 chỉ ra rằng mức độ học sinh nam trước đây cũng như hiện nay thích sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình thấp hơn so với học sinh nữ (trước đây ở nam là 54,5% so với nữ 65,4% và hiện nay ở nam 43,2% so với nữ 73,2%). Nhưng đáng chú ý là ở các em học sinh ở Khối 10 trước đây và hiện nay, mức độ thích sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình thấp hơn so với Khối 11 và Khối 12. Điều này cũng chứng minh rằng các em học sinh ở Khối 10 thích sử dụng ngôn ngữ phổ thông hơn ngôn ngữ của dân tộc mình (trước đây ngôn ngữ dân tộc mình

42,1% so với 57,9% phổ thông và hiện nay 40,4% ngôn ngữ dân tộc mình so với 59,6% phổ thông). Kết quả điều tra này cũng trùng hợp với kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Hầu hết các em học sinh Khối 10 đều cho biết do sống trong một trường học đa tộc người, thầy cô đa phần là người Kinh; hiện nay tiếng phổ thông là ngôn ngữ chính trong đời sống và học tập của các em từ trong gia đình, nhà trường cho đến ngoài cộng đồng xã hội như trao đổi mua bán...

nên các em không thể không biết tiếng phổ thông:

“Em hầu như chỉ sử dụng tiếng phổ thông thôi vì em nói tiếng phổ thông tốt hơn tiếng của dân tộc mình. Thậm chí bây giờ em không biết nói tiếng của dân tộc mình. Nhiều lúc nghe các bạn nói chuyện với nhau, em cũng mang máng hiểu được thôi nên em phải dùng tiếng phổ thông để trò chuyện với mọi người và em cũng thích nói tiếng phổ thông hơn” (Phỏng vấn sâu một học sinh Mường, Khối 10).

Bảng 3. Mức độ thích sử dụng ngôn ngữ của học sinh Thái và Mường

Đơn vị: %

Mức độ sử dụng	Chỉ báo	Dân tộc mình		Phổ thông		Cả hai ngôn ngữ	
		Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay
Thái	Số lượng	49	54	29	20	1	5
	%	62,0	68,4	36,7	25,3	1,3	6,3
Mường	Số lượng	58	65	33	25	1	2
	%	63,0	70,6	35,9	27,2	1,1	2,2
Nam	Số lượng	24	26	19	15	1	3
	%	54,5	59,1	43,2	34,1	2,3	6,9
Nữ	Số lượng	83	93	43	30	1	3
	%	65,4	73,2	33,8	23,6	0,8	3,2
Khối 10	Số lượng	24	23	33	34	0	0
	%	42,1	40,4	57,9	59,6	0	0
Khối 11	Số lượng	42	56	16	2	1	1
	%	71,2	94,9	27,1	3,4	1,7	1,7
Khối 12	Số lượng	41	40	13	9	1	6
	%	74,5	72,7	23,7	16,4	1,8	10,9
Tổng		100%	100%	100%	100%	100%	100%

Nguồn: Điều tra thực địa tại trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2012.

7. Sử dụng ngôn ngữ trong gia đình, làng bản

Việc sử dụng ngôn ngữ tộc người trong môi trường gia đình, làng bản thể hiện qua việc chuyện trò, trao đổi giữa các thành viên của gia đình, hàng xóm láng giềng. Ở đây, chúng tôi tập trung vào phân tích việc sử dụng ngôn ngữ của học sinh trong mối quan hệ với gia đình (như với ông bà, bố mẹ, anh chị em và họ hàng, những người cùng làng bản).

Qua khảo sát cho thấy việc sử dụng tiếng dân tộc mình đối với ông bà, bố mẹ ở cả học sinh hai dân tộc Thái và Mường trước khi chưa vào học nội trú không thay đổi nhiều so với hiện nay, nhưng riêng với anh chị em và làng bản thì mức độ này có sự thay đổi hơn. Sự thay đổi này thể hiện rõ ở chỗ các em học sinh sử dụng tiếng phổ thông trong giao tiếp với anh chị em và người dân trong làng bản nhiều hơn so với trước khi vào học nội trú (xem Bảng 4). Điều này thể hiện rõ rệt hơn ở học sinh khối 11 và 12 so với khối 10, và đặc biệt ở học sinh dân tộc Mường so với học sinh dân tộc Thái.

Ngoài ra, câu hỏi mà chúng tôi đặt ra về vấn đề ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu trong gia đình của học sinh dân tộc Thái và Mường cho kết quả là: trước đây trong gia đình mức độ sử dụng chủ yếu ngôn ngữ dân tộc mình ở dân tộc Thái (63,3%) cao hơn so với dân tộc Mường (51,1%), trong khi hiện nay mức độ này đã giảm đi ở cả 2 dân tộc (Thái - 54,4% và Mường - 48,2%). Nếu như trước đây tiếng phổ thông được sử dụng chủ yếu trong gia đình dân tộc Thái chỉ chiếm 36,7% thì hiện nay mức độ này là 45,6%. Đối với dân tộc Mường cũng vậy, từ 45,2% nay lên tới 54,4%. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiện nay việc sử dụng tiếng phổ thông trong gia đình của học sinh dân tộc Thái và Mường đều có xu hướng tăng lên; bố mẹ và con cái, anh chị em trong gia đình trong nhiều cảnh huống cũng thường sử dụng tiếng phổ thông. Trong các gia đình có ông bà lớn tuổi thì xu hướng sử dụng tiếng dân tộc mình trong trao đổi nhiều hơn. Điều này cho thấy xu thế của lớp trẻ các DTTS thích sử dụng tiếng phổ thông hơn, ngay cả trong phạm vi gia đình, họ hàng.

Bảng 4. Ngôn ngữ sử dụng trong gia đình, họ hàng

Đơn vị: %

Ngôn ngữ	Quan hệ	Dân tộc Thái		Dân tộc Mường	
		Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay
Tiếng dân tộc mình	Ông, bà	72,2	75,9	63,0	63,0
	Bố, mẹ	63,3	64,6	58,7	56,5
	Anh, chị, em	64,6	52,2	60,9	56,5
	Họ hàng	67,1	61,2	52,2	51,1
Tiếng phổ thông	Ông, bà	27,8	24,1	37,0	37,0
	Bố, mẹ	36,7	35,4	41,3	43,5
	Anh, chị, em	35,4	47,8	39,1	43,5
	Họ hàng	32,9	38,8	47,8	48,9
Tổng		100%	100%	100%	100%

Nguồn: Điều tra thực địa tại trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2012.

8. Sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: số học sinh người Thái sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình trong trường học cũ với bạn cùng dân tộc là 49,4%, nhưng hiện nay, ở môi trường mới, con số này chỉ còn 42,8%. Ở học sinh dân tộc Mường tỷ lệ này cũng giảm từ 35,9% xuống còn 12,0%. Trong khi đó, mức độ sử dụng tiếng phổ thông với bạn cùng dân tộc khi còn ở trường cũ là 50,6% đối với học sinh dân tộc Thái và 64,1% học sinh dân tộc Mường. Con số này đã tăng lên trong bối cảnh môi trường mới hiện nay: 77,2% ở học sinh dân tộc Thái và 88,0% ở học sinh dân tộc Mường.

Còn đối với các bạn học sinh khác dân tộc và những người khác trong trường (thầy/cô giáo, người quản lý nội trú, nhà ăn, cửa hàng tạp hóa), kết quả khảo sát cho thấy 100% học sinh của cả hai dân tộc Thái và Mường sử dụng ngôn ngữ tiếng phổ thông khi giao tiếp với họ. Đây không chỉ là kết quả của một xu hướng chung trong môi trường giao tiếp đa dân tộc hiện nay mà còn là một quy định chung của nhà trường:

“Ở đây chúng tôi muốn các em tham gia vào môi trường chung của xã hội. Là trường học đa dân tộc, đa văn hóa nhưng các em phải theo quy định chung là sử dụng ngôn ngữ của trường học. Chúng tôi nhắc nhở các em rằng không được sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình khi tiếp xúc với thầy cô và bạn bè trong phạm vi trường học... Đó là một sự văn minh và tôn trọng môi trường mà các em đang sinh sống” (Phòng văn người quản lý nội trú).

9. Sử dụng ngôn ngữ trong lễ hội, đình đám và mua bán

Ngôn ngữ gắn liền với một tộc người, ngôn ngữ có nhiều chức năng khác nhau. Một trong những chức năng quan trọng nhất

của ngôn ngữ xét về phương diện tộc người là chức năng phân biệt tộc người (Ngô Văn Lệ, 2010, tr. 150). Như đã trình bày, để tìm hiểu sự biến đổi của ngôn ngữ tộc người và khả năng phát triển bền vững của nó, ngoài khảo sát trong môi trường gia đình, chúng tôi còn xem xét trong môi trường cộng đồng tộc người và ngoài xã hội. Ở môi trường này, trước hết chúng tôi lưu ý việc sử dụng ngôn ngữ trong lễ hội, đám cưới, đám ma, đám giỗ và mua bán. Thông thường, trừ cảnh huống mua bán ra thì các cảnh huống chúng tôi quan tâm là những cảnh huống mà con người muốn giữ gìn bản sắc tộc người nhất, nhưng trên thực tế từ trước đến nay học sinh dân tộc Thái sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình trong lễ hội, đình đám chỉ chiếm 17,7%. Trong khi đó, việc sử dụng ngôn ngữ phổ thông của các em ở các cảnh huống này là 76%. Tương tự như vậy, tỷ lệ sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình trong lễ hội, đình đám ở học sinh dân tộc Mường là 15,5% và tỷ lệ sử dụng ngôn ngữ phổ thông là 78,3%. Không có sự thay đổi đáng kể về sử dụng ngôn ngữ trong các cảnh huống này của các em trước và sau khi học trường nội trú. Điều này có thể thấy rằng, ngay chính trong cộng đồng tộc người của mình, học sinh của cả hai dân tộc này đã sử dụng ngôn ngữ phổ thông rất nhiều.

Cũng giống như các tộc người thiểu số khác, trong bối cảnh xã hội phát triển, trong môi trường hội nhập, về cơ bản ngôn ngữ được sử dụng trong mua bán của học sinh dân tộc Thái và Mường hiện nay gần như hoàn toàn là ngôn ngữ phổ thông. Trước đây tỷ lệ này ở học sinh dân tộc Thái là 91,2% thì hiện nay là 96,2%. Còn ở học sinh dân tộc Mường trước đây là 91,3% và hiện nay con số đó đã lên đến 100% (xem Bảng 5).

Bảng 5. Ngôn ngữ sử dụng trong môi trường cộng đồng và ngoài xã hội

Đơn vị: %

Ngôn ngữ	Môi trường	Dân tộc Thái		Dân tộc Mường	
		Trước khi học nội trú	Hiện nay	Trước khi học nội trú	Hiện nay
Dân tộc mình	Lễ hội, đình đám	17,7	21,5	15,2	17,4
	Mua bán	2,5	0	2,2	0
Phổ thông	Lễ hội, đình đám	76,0	77,2	78,3	82,6
	Mua bán	91,2	96,2	91,3	100
Cả hai	Lễ hội, đình đám	6,3	1,3	6,5	0
	Mua bán	6,0	3,8	6,5	0
Tổng		100%	100%	100%	100%

Nguồn: Điều tra thực địa tại trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2012.

Trong quá trình khảo sát, khi được hỏi tại sao trong môi trường mua bán ở cộng đồng thôn bản cũng như ở môi trường mới các em lại sử dụng ngôn ngữ phổ thông là chính, các ý kiến thường cho rằng:

“Bởi vì trong cộng đồng của chúng em, người Kinh cũng sinh sống xen kẽ. Họ chủ yếu là những người buôn bán. Tiếng phổ thông giúp chúng em đi đâu cũng không bị lạc hậu, nhất là ở môi trường trên này (thành phố). Chúng em đi mua bán dùng tiếng phổ thông, họ không biết chúng em là người dân tộc xuống thì họ sẽ không nói giá cao. Chúng em chỉ sử dụng tiếng dân tộc mình khi nói chuyện riêng tư với người cùng dân tộc” (Thảo luận nhóm học sinh khối 12).

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy có một xu hướng quan trọng trong sử dụng ngôn ngữ ở môi trường gia đình, cộng đồng tộc người cũng như ngoài xã hội hiện

nay của học sinh dân tộc Thái và Mường trường THPT Dân tộc nội trú Thanh Hóa là sự phổ biến của ngôn ngữ tiếng Việt (phổ thông). Sự phổ biến ấy diễn ra trước khi học sinh hai tộc người Thái và Mường tham gia học tại trường này. Ở ngay tại cộng đồng của các em, lớp trẻ đã có xu hướng thích dùng tiếng phổ thông trong giao tiếp ở mọi cảnh huống. Sự tham gia của các em tại trường nội trú trên thành phố chỉ càng thúc đẩy thêm mức độ sử dụng ngôn ngữ phổ thông mà thôi.

Kết luận

Nhìn chung, trước khi vào trường PTTH phần lớn các em học sinh tộc người Thái và Mường ở trường THPT Dân tộc nội trú Thanh Hóa đã rất thành thạo tiếng phổ thông. Tỷ lệ thành thạo tiếng phổ thông của các em còn cao hơn tỷ lệ thành thạo tiếng dân

tộc mình. Càng ở lứa tuổi trẻ hơn, tỷ lệ thành thạo tiếng phổ thông càng cao hơn và khả năng nói thành thạo tiếng dân tộc mình càng thấp hơn. Mặc dù các em thể hiện ý thức tộc người với việc trả lời thích sử dụng tiếng dân tộc mình hơn sau khi vào trường nội trú nhưng ở một số chỗ, các số liệu cho thấy xu hướng chung của các em là thích sử dụng tiếng phổ thông. Điều này càng được chứng minh khi tỷ lệ giao tiếp bằng tiếng phổ thông giữa học sinh cùng dân tộc ở trường lên tới 88%. Mặc dù nghiên cứu này không được thực hiện tại cộng đồng thôn bản nhưng kết quả điều tra phiếu và phỏng vấn học sinh tại trường nội trú cho thấy mức độ sử dụng tiếng phổ thông ở cộng đồng của các em cũng rất cao. Các số liệu cũng chỉ ra rằng do người Mường ở Thanh Hóa có tỷ lệ dân số sinh sống tại các vùng ven đô thị, vùng nông thôn có địa hình thuận lợi hơn người Thái nên mức độ sử dụng tiếng phổ thông cũng nhiều hơn.

Nghiên cứu này cũng cho thấy ngôn ngữ của các tộc người Thái và Mường nói chung và nhóm học sinh DTTS này nói riêng không nằm ngoài xu hướng biến đổi chung về ngôn ngữ ở nước ta hiện nay: ngôn ngữ tộc người ngày càng mai một trong khi ngôn ngữ phổ thông ngày càng chiếm ưu thế. Sự biến đổi này phụ thuộc vào mức độ giao lưu văn hóa giữa các tộc người đa số với tộc người thiểu số, mức độ đô thị hóa và hiện đại hóa ở các vùng, khu vực. Môi trường đô thị hóa và hiện đại hóa của ngôi trường dân

tộc nội trú tại thành phố càng làm thúc đẩy hơn sự biến đổi ngôn ngữ của học sinh dân tộc thiểu số ở đó.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (2011), *Báo cáo về tình hình dân tộc tỉnh Thanh Hóa*, UBND tỉnh Thanh Hóa.
2. Nguyễn Thị Song Hà (2011), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ngô Văn Lệ (2010), *Văn hóa tộc người: Truyền thống và Biến đổi*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Lê Hồng lý (Chủ biên) (2009), *Sự biến đổi văn hóa tộc người Thái ở Tây Bắc trong thời kỳ Đổi Mới*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu hành tại thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
5. Hoàng Lương (2002), “Sức sống của văn hóa vật chất Thái trước sự phát triển của khoa học công nghệ”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 48-52.
6. Vương Xuân Tinh (2010), “Biến đổi văn hóa của các tộc người vùng Đông Bắc từ góc nhìn sử dụng ngôn ngữ”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 17-29.
7. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, Văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.